

Bản án số: 27/2018/DS-ST
Ngày 16 tháng 11 năm 2018
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐK - TỈNH KHÁNH HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hùng Cường

Bà Thái Thị Đang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đk - Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đk - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** ông Trần Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đk - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2018/TLST-DS ngày 11/6/2018 về tranh chấp “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST-DS ngày 30/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Địa chỉ: 40-42-44 Phạm Hồng T, P. V, Tp. R, KG

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K: ông V - sinh năm 1989 - Nhân viên tín dụng Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Khánh Hòa làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 631/UQ-NHKL, ngày 29/5/2018 của Giám đốc Ngân hàng Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Khánh Hòa).

Địa chỉ: 54A đường Yersin, phường Phương Sài, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa.

Ông Viễn có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Trần Đại N - sinh năm 1969

Bà Bùi Thị L - sinh năm 1975

Cùng trú tại: Thôn Nam 2, xã Diên Sơn, huyện Đk, Khánh Hòa.

Bà L có mặt tại phiên tòa. Ông N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2018, bản tự khai ngày 11/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K, trình bày: Ngày 08/8/2012, Ngân hàng thương mại cổ phần K (sau đây gọi tắt: Ngân hàng K) với ông Trần Đại N, bà Bùi Thị L có ký hợp đồng tín dụng số TD374/HĐTD với số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, ngày đến hạn 10/8/2014; lãi suất 1,65%/tháng; lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng/lần, được tính bằng mức lãi suất

tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng, lãi cuối kỳ của Ngân hàng K tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay cộng biên độ 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; mục đích vay vốn là bổ sung vốn kinh doanh; hình thức thanh toán: vốn trả hàng kỳ, lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế; phạt chậm trả lãi: trường hợp trả lãi không đầy đủ và đúng hạn, Ngân hàng K sẽ thu thêm tiền phạt chậm trả lãi được tính bằng 0,1%/ngày trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả; phạt chậm trả gốc: trường hợp trả gốc không đầy đủ và đúng hạn thì toàn bộ phần vốn gốc đó được chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu lãi suất nợ quá hạn nêu trên. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số TD374/HĐTD ngày 08/8/2012 là quyền sử dụng đất tại xã S- huyện Dk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01264 QSDĐ/DS-DK do Ủy ban nhân dân huyện Dk cấp ngày 18/11/1998 cho hộ bà Bùi Thị M và ngày 11/7/2011 đã được chỉnh lý tặng cho bà Bùi Thị L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC207/HĐTC ngày 10/8/2012 đã được công chứng tại phòng công chứng số 01 tỉnh Khánh Hòa, đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 10/8/2012 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC207/HĐTC ngày 10/8/2012. Ngày 10/01/2013, vợ chồng ông N, bà Lại bắt đầu vi phạm N vụ trả nợ. Ngân hàng thương mại cổ phần K đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà Lại thực hiện N vụ trả nợ, nhưng ông bà đã không thực hiện N vụ trả nợ cho Ngân Hàng. Ngày 15/10/2018, ông N, bà Lại đã trả được 97.572.323 đồng tiền gốc cho Ngân hàng K. Tính đến ngày 16/11/2018, ông N, bà Lại còn nợ của Ngân hàng K số tiền là 145.802.757 đồng (trong đó nợ gốc 2.427.677 đồng; nợ lãi là 143.375.080 đồng). Ngân hàng K yêu cầu ông N, bà Lại thanh toán dứt điểm toàn bộ số nợ này và các khoản lãi phát sinh tính từ 17/11/2018 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng số TD374/HĐTD ngày 08/8/2012. Nếu ông N, bà Lại không thanh toán số nợ nêu trên thì Ngân hàng K có toàn quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC207/HĐTC ngày 10/8/2012.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 /7/2018 và quá trình giải quyết án, bà Bùi Thị L trình bày: Vợ chồng bà thống nhất với nội dung của hợp đồng tín dụng số TD374/HĐTD ngày 08/8/2012, mà Ngân hàng thương mại cổ phần K đã trình bày về số tiền vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và mục đích vay. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên là quyền sử dụng đất tại xã S- huyện Dk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01264 QSDĐ/DS-DK do Ủy ban nhân dân huyện Dk cấp ngày 18/11/1998 cho hộ bà Bùi Thị M và ngày 11/7/2011 đã được chỉnh lý tặng cho bà Bùi Thị L. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC207/HĐTC ngày 10/8/2012 đã được công chứng tại phòng công chứng số 01 tỉnh Khánh Hòa, đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 10/8/2012. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà đã không thực hiện đúng như cam kết đã ký kết trong hợp đồng, mặc dù ngân hàng thương mại cổ phần K đã nhiều lần tạo điều kiện cho vợ chồng bà về thời gian trả nợ, nhưng do khó khăn nên vợ chồng bà không thực hiện N vụ trả nợ theo như cam kết. Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu vợ chồng bà thanh toán nợ của hợp đồng tín dụng số TD374/HĐTD ngày 08/8/2012 số tiền tính đến ngày 16/11/2018 là 145.802.757 đồng (trong đó nợ gốc 2.427.677 đồng; nợ lãi là 143.375.080 đồng) và các khoản lãi phát sinh của hợp đồng tín dụng số TD374/HĐTD, tính từ ngày 17/11/2018 cho đến khi trả hết nợ. Hiện nay, vợ chồng bà đang khó khăn về kinh tế nên xin trả dứt điểm số nợ trên vào ngày 30/9/2019 và các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng TD374/HĐTD cho ngân hàng K. Nếu vợ chồng bà vi phạm việc trả nợ như đã cam kết

nêu trên thì Ngân hàng K yêu cầu Chi cục thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC207/HĐTC ngày 10/8/2012 đã được công chứng tại phòng công chứng số 01 tỉnh Khánh Hòa, đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 10/8/2012, vợ chồng bà không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông Trần Đại N đến Tòa án làm việc, nhưng ông N vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản, giấy tờ tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Trần Đại N, bà Bùi Thị L thanh toán dứt điểm toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 16/11/2018 là 145.802.757 đồng (trong đó nợ gốc 2.427.677 đồng; nợ lãi là 143.375.080 đồng) và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 17/11/2018 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng số TD374/HĐTD ngày 08/8/2012. Nếu bà Lại, ông N không thanh toán số nợ nêu trên thì Ngân hàng K có toàn quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC207/HĐTC ngày 10/8/2012.

Bị đơn bà Bùi Thị L xin trả dứt điểm khoản nợ vào ngày 30/01/2019 cho Ngân hàng. Bị đơn ông Trần Đại N vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dk - Khánh Hòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tốt tụng. Bị đơn ông Trần Đại N vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 56, 58 Nghị định 163 ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K về tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Đại N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Đại N.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định vợ chồng ông Trần Đại N, bà Bùi Thị L có vay vốn tại Ngân hàng K theo hợp đồng tín dụng số TD374/HĐTD ngày 08/8/2012 với số tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay 24 tháng, kể từ ngày 10/8/2012, với mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất cho vay là 1,65%/tháng, điều chỉnh 06 tháng/lần, được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần K tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay cộng thêm 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn. Phương thức trả lãi định kỳ hàng tháng/lần, bắt đầu vào ngày 10 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi đến hạn thanh toán vợ chồng ông N, bà Lại đã vi phạm N vụ thanh toán. Các khoản gốc và lãi đều không được thanh toán đúng hạn, vi phạm N vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Do vậy, Ngân hàng K yêu cầu vợ chồng ông Trần Đại N, bà Bùi Thị L thanh toán số tiền là

145.802.757 đồng (trong đó nợ gốc 2.427.677 đồng; nợ lãi tính đến ngày 16/11/2018 là 143.375.080 đồng) và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh của hợp đồng tín dụng số TD374/HĐTD, tính từ ngày 17/11/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cũng như quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Bị đơn bà Bùi Thị L thừa nhận vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng K tiền nợ gốc và lãi như đại diện nguyên đơn trình bày. Bị đơn yêu cầu Ngân hàng K cho trả dứt điểm khoản nợ vào ngày 30/01/2019 cho Ngân hàng K.

Đại diện nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn bà Bùi Thị L và đề nghị vợ chồng bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N phải thanh toán dứt điểm một lần toàn bộ số nợ nêu trên cho Ngân hàng K ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng K đã để khoản nợ quá hạn lâu mới khởi kiện, Ngân hàng nhiều lần làm việc với vợ chồng bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N và chồng bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N cũng đã hứa hẹn rất nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện. Ông Trần Đại N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông N không đến Tòa án làm việc. Điều này thể hiện, ông N không có thiện chí thực hiện N vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Mặt khác, yêu cầu của vợ chồng bà Bùi Thị L là không phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và cũng không có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cũng không chấp nhận yêu cầu xin trả với thời gian nêu trên của vợ chồng bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N nên vợ chồng bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N phải thực hiện N vụ trả nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Khi vợ chồng bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N vay của Ngân hàng K thì bà Bùi Thị L có thể chấp cho Ngân hàng K nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 565, 282, 231, 266, 399, 108, 343, 344, 401, 342, tờ bản đồ số 02, 03, 13 xã S(giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01264 QSDĐ/DS-DK do Ủy ban nhân dân huyện Dk cấp ngày 18/11/1998 cho hộ bà Bùi Thị M và ngày 11/7/2011 đã được chỉnh lý tặng cho bà Bùi Thị L) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC207/HĐTC ngày 10/8/2012. Sau khi, vợ chồng bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N trả nợ xong cho Ngân hàng K thì Ngân hàng K phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01264 QSDĐ/DS-DK do Ủy ban nhân dân huyện Dk cấp ngày 18/11/1998 cho hộ bà Bùi Thị M và ngày 11/7/2011 đã được chỉnh lý tặng cho bà Bùi Thị L.

Nếu vợ chồng bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N không trả được nợ cho Ngân hàng K thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp.

[4] Ngoài khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí mà bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N phải trả cho Ngân hàng K theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N còn phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền này tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm. Điều này đã được quy định rõ tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, tại phần quy định chung cũng cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[1]. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K.
- Buộc bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền nợ tạm tính đến ngày 16/11/2018 là 145.802.757 đồng (trong đó nợ gốc 2.427.677 đồng; nợ lãi 143.375.080 đồng) và các khoản lãi, phí phát sinh tính từ ngày 17/11/2018 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng K theo hợp đồng tín dụng số TD374/HĐTD ngày 08/8/2012.

Sau khi bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N trả hết nợ cho Ngân K thì Ngân hàng K trả lại cho bà Bùi Thị L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01264 QSDĐ/DS-DK do Ủy ban nhân dân huyện Dk cấp ngày 18/11/1998 cho hộ bà Bùi Thị M và ngày 11/7/2011 đã được chỉnh lý tặng cho bà Bùi Thị L.

Nếu bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N vi phạm N vụ trả nợ thì Ngân hàng K yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Dk xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC207/HĐTC ngày 10/8/2012.

Quy định chung: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2]. Về án phí: bà Bùi Thị L, ông Trần Đại N nộp 7.290.000 đồng (Bảy triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.429.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018816 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Dk.

[3]. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Dk;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Dk;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Kim Vinh